

Bài 34

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản Âu – Mĩ có những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế xã hội, bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Đặc trưng cơ bản của giai đoạn này là sự ra đời của các tổ chức độc quyền và sự bóc lột ngày càng tinh vi đối với nhân dân lao động, làm cho mâu thuẫn giai cấp trong xã hội tư bản ngày càng sâu sắc. Đây cũng là giai đoạn các nước đế quốc đẩy mạnh chính sách xâm lược, chuẩn bị chiến tranh để chia lại thế giới, tăng cường đàn áp phong trào công nhân trong nước và những cuộc nổi dậy của nhân dân các thuộc địa.

1. Những thành tựu về khoa học – kĩ thuật cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Vào khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX, lực lượng sản xuất ở các nước tư bản đạt đến trình độ phát triển cao. Nhờ những phát minh khoa học trong các lĩnh vực Vật lí, Hoá học, Sinh học..., con người đã đi sâu khám phá được nguồn năng lượng vô tận của thiên nhiên, phục vụ cho nhu cầu cuộc sống ngày càng cao của mình.

Trong lĩnh vực Vật lí, những phát minh về điện của các nhà bác học như Ghê-oóc Xi-môn Ôm (1789 – 1854) người Đức, Mai-cơn Pha-ra-đây (1791 – 1867) và Giêm-x Pre-xcốt Giun (1818–1889) người Anh, E-mi-li Khri-xchia-nô-vích Len-xơ (1804 – 1865) người Nga đã mở ra khả năng



Hình 68 – Pi-c Quy-ri và Ma-ri Quy-ri trong phòng thí nghiệm

ứng dụng một nguồn năng lượng mới. Thuyết electron của Tô-m-xơn (Anh) cho thấy nguyên tử không phải là phân tử nhỏ nhất của vật chất mà trước đó người ta vẫn lầm tưởng. Những phát hiện về hiện tượng phóng xạ của các nhà bác học người Pháp Hăng-ri Béc-cơ-ren (1852 – 1908), Pi-e Quy-ri và Ma-ri Quy-ri đã đặt nền tảng cho việc tìm kiếm nguồn năng lượng hạt nhân ; công trình nghiên cứu của nhà vật lí học người Anh Ec-nét Rơ-dơ-pho (1871 – 1937) là một bước tiến vĩ đại trong việc tìm hiểu cấu trúc vật chất và trở thành chiếc chìa khoá thần kì để tìm hiểu thế giới bên trong của nguyên tử. Phát minh của nhà bác học người Đức Vin-hem Rơn-ghe-n (1845 – 1923) về tia X vào năm 1895 đã giúp y học chẩn đoán chính xác bệnh tật, biết hướng điều trị nhằm phục hồi sức khoẻ cho con người.

Trong lĩnh vực Hoá học, định luật tuần hoàn của nhà bác học Nga Men-đê-lê-ép đã đặt cơ sở cho sự phân hạng các nguyên tố hoá học.

Lĩnh vực Sinh học cũng có nhiều tiến bộ lớn. Học thuyết Tiến hoá của Đác-uyn (Anh) đã giải thích nguồn gốc chung của sinh giới và sự tiến hoá bằng con đường chọn lọc tự nhiên ; phát minh của nhà bác học người Pháp Lu-i Pa-xtơ (1822 – 1895) giúp chế tạo thành công vắc-xin chống bệnh chó dại ; công trình của nhà sinh lí học người Nga Páp-lốp (1849 – 1936) với thí nghiệm về những phản xạ có điều kiện đã nghiên cứu về hoạt động của hệ thần kinh cấp cao của động vật và con người v.v...

Những sáng kiến về kĩ thuật trong thời kì này đã mở ra khả năng rộng lớn trong việc thúc đẩy sản xuất. Nhờ ứng dụng những thành tựu mới, sản lượng công nghiệp tăng lên nhanh chóng.

Kĩ thuật luyện kim được cải tiến với việc sử dụng lò Bét-xme và lò Mác-tanh đã đẩy nhanh quá trình sản xuất thép. Nhờ đó, thép được sử dụng phổ biến trong sản xuất như chế tạo máy, làm đường ray, đóng tàu và xây dựng. Ngành luyện kim phát triển đã thúc đẩy việc khai thác than. Việc sử dụng rộng rãi năng lượng điện đòi hỏi những động cơ hoàn chỉnh hơn để giúp các nhà máy phát điện hoạt động. Do vậy, từ cuối thế kỉ XIX, ngoài máy hơi nước, đã có những tước bin chạy bằng sức nước, những tước bin liên hợp với đinamô thành máy tước bin phát điện, cung cấp nguồn điện năng mạnh mẽ và rẻ tiền.

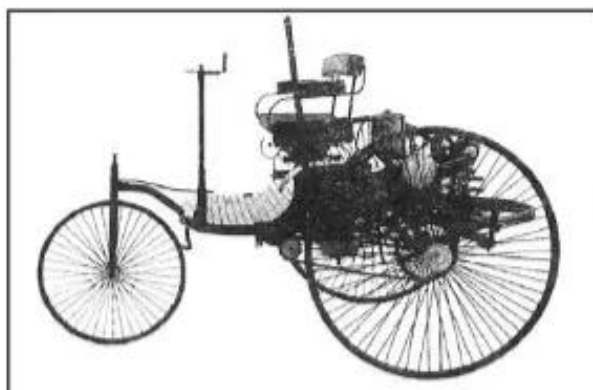
Dầu hoả được khai thác dễ dàng và cung cấp nguồn nhiên liệu mới cho giao thông vận tải. Công nghiệp hoá học ra đời phục vụ ngành nhuộm, phân bón và thuốc nổ.

Việc phát minh ra máy điện tín (giữa thế kỉ XIX) giúp cho liên lạc ngày càng xa và nhanh. Cuối thế kỉ XIX, xe ô tô được đưa vào sử dụng nhờ phát minh ra động cơ đốt trong.

Tháng 12 – 1903, với chuyến bay thử của hai anh em người Mĩ (trên chuyến bay do họ chế tạo nhờ sức mạnh của một động cơ chạy bằng xăng), ngành hàng không đã ra đời.

Nông nghiệp cũng có bước tiến đáng kể nhờ sử dụng nhiều máy móc : máy kéo, máy gặt, máy đập... Phương pháp canh tác được cải tiến, chế độ luân canh thay thế dần chế độ hưu canh thời phong kiến. Việc sử dụng phân bón hoá học càng nâng cao năng suất cây trồng.

Những tiến bộ về khoa học – kĩ thuật cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX đã làm thay đổi cơ bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa, đánh dấu bước tiến mới của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn này.



Hình 69 – Xe có động cơ đầu tiên ở Đức (1886)



Hình 70 – Chiếc máy bay đầu tiên (1903)



– Trình bày những phát minh lớn về khoa học – kĩ thuật cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

2. Sự hình thành các tổ chức độc quyền

Đến cuối thế kỉ XIX, việc sử dụng nguồn năng lượng mới cùng những tiến bộ kĩ thuật đã tạo ra khả năng xây dựng các ngành công nghiệp trên quy mô lớn. Để tập trung nguồn vốn lớn đủ sức cạnh tranh, các nhà tư bản thành lập các *công ti độc quyền*. Các công ti nhỏ bị thu hút vào các công ti lớn. *Nhiều tổ chức độc quyền ra đời*, ngày càng lũng đoạn đời sống kinh tế ở các nước tư bản.

Ở Pháp, ngành luyện kim và khai mỏ tập trung trong tay hai công ti lớn. Công ti “Snây-đơ Crơ-dô” nắm các nhà máy quân sự ở Crơ-dô và các nhà máy chế tạo đồ đồng, thép cùng các ngành khác ở nhiều vùng trong nước. “Tổng công ti đường sắt và điện khí” cùng 6 công ti khác độc quyền ngành đường sắt trong nước. 50% trọng tải đường biển do 3 công ti lớn nắm. Hai công ti “Xanh Gô-ben” và “Cu-man” kiểm soát toàn bộ công nghiệp hoá chất.

Ở Đức, công ti than Ranh – Vét-xpha-len (thành lập năm 1893) đã kiểm soát 95% tổng sản lượng than vùng Rúa – vùng công nghiệp lớn nhất của Đức, và hơn 55% tổng sản lượng than cả nước.

Sự tập trung sản xuất cũng diễn ra trong lĩnh vực ngân hàng. Một vài ngân hàng lớn khống chế mọi hoạt động kinh doanh trong cả nước. Với số vốn khổng lồ, nhiều chủ ngân hàng không chỉ là người cho vay mà còn có thể tham gia vào hoạt động của các xí nghiệp, tạo nên tầng lớp *tư bản tài chính*. Các nhà tư bản tài chính còn đẩy mạnh việc *xuất khẩu tư bản*, bằng cách chuyển vốn ra đầu tư sang các nước kém phát triển hoặc thuộc địa để khai thác nguyên liệu, sử dụng nhân công rẻ mạt hoặc đem cho vay để thu được nhiều lãi.

Năm 1900, nước Anh đầu tư ra bên ngoài 2 tỉ livơ xtécling ; đến năm 1913, lên gần 4 tỉ. Năm 1899, tiền lãi của số vốn xuất khẩu là 90 triệu livơ xtécling, đến năm 1912 lên tới 176 triệu. Thị trường đầu tư chủ yếu của nước Anh là các thuộc địa và một số nơi như Ấn Độ, Trung Quốc, Nga, các nước Mĩ Latinh...

Các thuộc địa có vai trò quan trọng đối với các đế quốc, là nơi đầu tư và tiêu thụ hàng hoá của chính quốc, nguồn cung cấp nguyên liệu và nhân công rẻ mạt, cung cấp binh lính cho những cuộc chiến tranh... Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc trong việc tranh chấp thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt, dẫn đến những cuộc chiến tranh nhằm phân chia lại thuộc địa.

Sự ra đời các tổ chức độc quyền đã đánh dấu bước chuyển của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các mâu thuẫn xã hội : giữa các nước đế quốc với nhau, giữa đế quốc với nhân dân thuộc địa, giữa giai cấp tư sản với công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản... càng trở nên sâu sắc. Tình hình đó dẫn đến nhiều cuộc đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội nhằm thủ tiêu ách áp bức, bóc lột, giải phóng nhân dân lao động.



– Các tổ chức độc quyền hình thành như thế nào ?

CÂU HỎI

1. Vì sao các nước đế quốc tăng cường xâm chiếm và tranh giành thuộc địa ?
2. Tại sao trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt ?